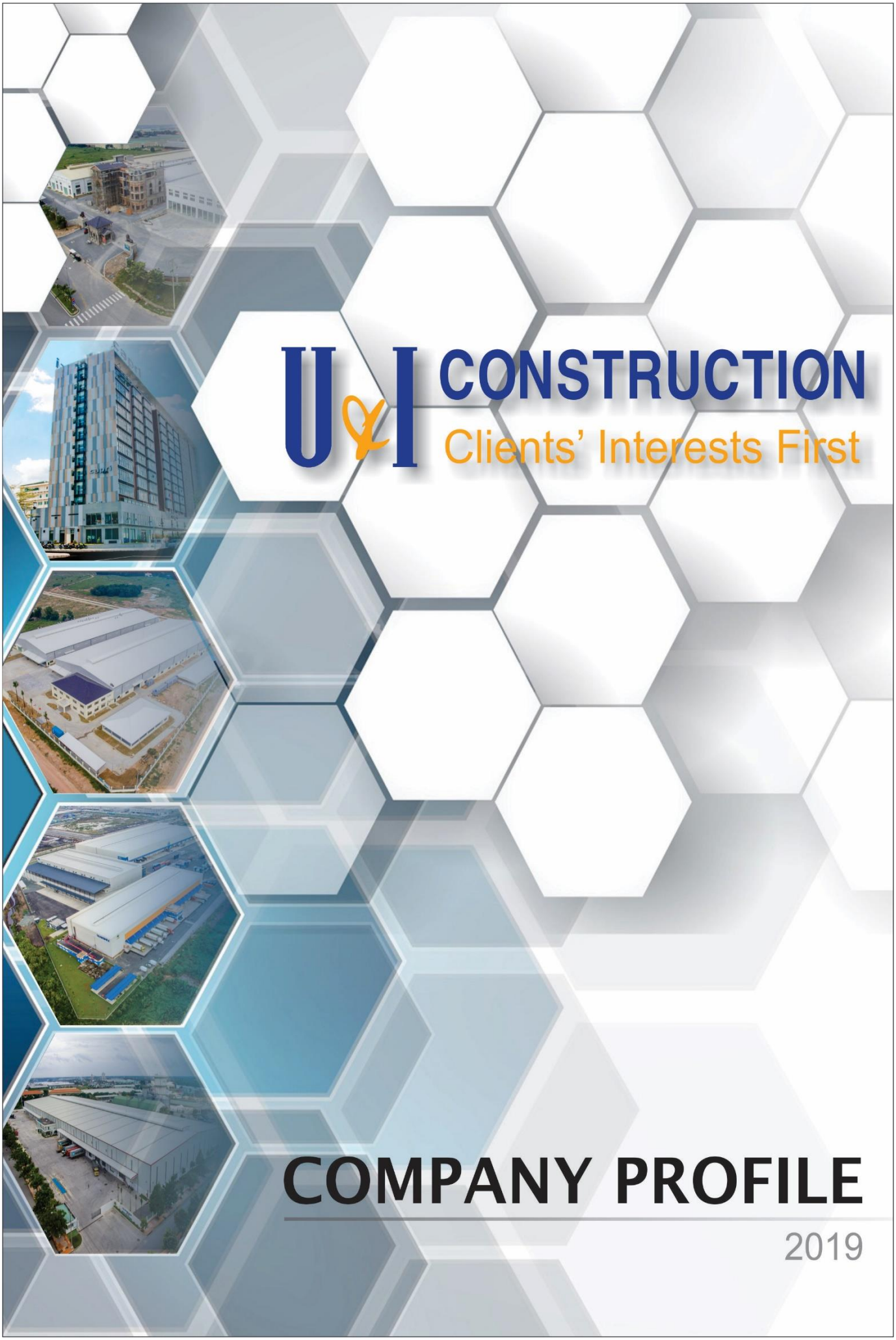
U&I CONSTRUCTION
Clients' Interests First
COMPANY PROFILE
2019

CONTENT

(*MỤC LỤC*)

1. **GREETINGS**

   Lời chào

2. **GENERAL INFORMATION**

   Thông tin tổng quát

3. **CONSTRUCTION EXPERIENCE**

   Hồ sơ kinh nghiệm

4. **CONSTRUCTION EQUIPMENT**

   Năng lực thiết bị phục vụ thi công

5. **HUMAN RESOURCE**

   Năng lực nhân sự

6. **SOME PICTURES OF TYPICAL PROJECTS**

   Một số hình ảnh về dự án tiêu biểu

7. **SOME CONSTRUCTION CONTRACT TYPICAL**

   Một số hợp đồng xây dựng tiêu biểu

1. GREETINGS - *LỜI CHÀO*

Construction Corporation is a member of U&I Group of Companies and one of the leading design and construction companies for industrial and civil projects in Binh Duong and neighboring provinces.

Công Ty Cổ Phần Xây Dựng U&I (UNICONS) là thành viên của Nhóm Công Ty U&I và là một trong những công ty thiết kế, thi công các công trình dân dụng và công nghiệp hàng đầu tại Bình Dương và các tỉnh lân cận.

UNICONS is well qualified to carry out projects which meet the demands of quality and aestheticism of investors from many different countries and has affirmed its status in The South region of Vietnam.

UNICONS đủ năng lực thực hiện các công trình xây dựng thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng, thẩm mỹ của các Chủ đầu tư đến từ nhiều quốc gia và đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường xây dựng ở khu vực miền Nam Việt Nam.

UNICONS continuously tries to be more creative in its designs and more effective in its construction solutions so as to better serve its clients as a reliable partner.

UNICONS không ngừng sáng tạo trong thiết kế, hiệu quả trong giải pháp thi công để phục vụ tốt hơn cho khách hàng của mình như một đối tác đáng tin cậy.

Our design and building products are the works of an excellent team of experienced an competent staffs. As every member of the U&I Group, we believe that only when we think of "Clients' Interests First" can we improve ourselves and grow.

Những sản phẩm thiết kế và thi công của chúng tôi đều là tác phẩm của một đội ngũ nhân viên năng lực và giàu kinh nghiệm. Như mọi thành viên khác của Nhóm Công ty U&I, chúng tôi tin rằng chỉ khi chúng tôi đặt "Lợi ích của Khách hàng Trước hết" thì chúng tôi mới có thể tiến bộ và phát triển.

BUSINESS ACTIVITIES – *LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG*

- ✓ Construction of civil and industrial buildings, roads, irrigation and drainage systems. – *Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thoát nước.*
- ✓ Construction of civil and industrial electrical systems. – *Thi công điện dân dụng, điện công nghiệp.*
- ✓ Prefabricating and assembling steel structures. - *Sản xuất và lắp đặt các cấu kiện bằng thép.*
- ✓ Infrastructure and real estate development. – *Kinh doanh cơ sở hạ tầng, bất động sản.*

- ✓ Architectural and structural design of civil and industrial buildings. – *Thiết kế kiến trúc, kết cấu cho các công trình dân dụng và công nghiệp.*
- ✓ Urban planning. – *Thiết kế quy hoạch đô thị.*
- ✓ Land surveying and mapping service. – *Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ.*
- ✓ Manufacturing and trading of handicraft products. – *Sản xuất và kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ.*
- ✓ Trading of building and interior decorative materials *(Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất*);
- ✓ Trading and leasing construction equipment (*Mua bán và cho thuê thiết bị xây dựng);*
- ✓ Real estate brokerage *(Môi giới bất động sản, cho thuê nhà xưởng, kho bãi)*;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG U&I
TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ XUÂN DƯƠNG

2. GENERAL INFORMATION - *THÔNG TIN TỔNG QUÁT*

Business registration - *Tình trạng đăng ký kinh doanh*:

		Head office *Trụ sở chính*
Name *Tên Doanh nghiệp*		**U&I CONSTRUCTION CORP.** ***CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG U&I***
Business registration Đăng ký kinh doanh	**Reg. No** *Số đăng kí*	4603000555
	Tax code Mã số thuế	3700348694
	Address *Địa chỉ*	Building U&I, No.158 Ngo Gia Tu st., Chanh Nghia ward, Thu Dau Mot city, Binh Duong province *Toà Nhà U&I, Số 158 Ngô Gia Tự, P.Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, T.Bình Dương*
	Established date *Ngày*	September 2000 *Tháng 09/2000*
	Share capital *Vốn điều lệ*	120,000,000,000 VND

Contact info - *Thông tin liên hệ:*

Contact person *Người liên hệ*	**VŨ XUÂN DƯƠNG**	
Title *Chức vụ*	General Director *Tổng giám đốc*	
Cellphone	0913 951 325	
Telephone	0274.3816 284	
Email	duongvx@uniconstruction.vn	
Contact person *Người liên hệ*	**ĐỖ CAN TRƯỜNG**	**NGUYỄN CHÂU THANH HÂN**
Title *Chức vụ*	Deputy Managing Director *Phó tổng giám đốc*	Deputy Managing Director *Phó tổng giám đốc*
Cellphone	0908 600 068	0913 729 515
Telephone	0274.3816 284	0274. 3816 284
Email	truongdc@uniconstruction.vn	hannct@uniconstruction.vn
Contact person *Người liên hệ*	**NGUYỄN HỌC ĐẠO**	**BÙI MINH TRÍ**
Title *Chức vụ*	Project Development Director *Giám đốc khối phát triển dự án*	Assistant Genneral Director *Trợ lý tổng giám đốc*
Cellphone	0903 364 334	0973 380 958
Telephone	0274. 3816 284	0274.3816 284
Email	daonh@uniconstruction.vn	tribm@uniconstruction.com.vn

G-CERTI Certificate of Registration

G-CERTI *Certificate*

G-CERTI hereby certifies that

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG U&I
U&I CONSTRUCTION CORPORATION

Số 9, Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, Tp.Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
No.9 Ngo Gia Tu Street, Chanh Nghia Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Vietnam

has been audited and certified as meeting the requirements & Scope of registration

ISO 9001:2015 *Quality Management Systems*

Thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp

Construction of Civil and Industrial

Certificate No	: GKVN-0257-QC	Code	: 28
Initial Date	: 27. Nov. 2018	Issue Date	: 27. Nov. 2018
Expiry Date	: 26. Nov. 2021	Valid period	: 27. Nov. 2018 ~ 26. Nov. 2019

Signed for and on behalf of GCERTI
President I.K Choi

MSCB-113

To verify the validity of this certificate please visit : www.gcerti.com
Korea, Seoul, Eunpyeong-gu, Eunpyeong-ro. 88, 15F. Surveillance audits shall be conducted at least once a calendar year, except in recertification years. This is to certify that the Management Systems of this company has been found to confirm to the above. If the certified client does not allow surveillance, recertification audits, certificate shoul be returned to GCERTI. This certificate remains the property of GCERTI and this certificate is recognized by GCERTI.

ACCREDITED
MSCB-113

BỘ XÂY DỰNG
CỤC QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG U&I
TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00017837

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐXD-DN ngày 26/4/2019 và Quyết định số: 18/QĐ-HĐXD-DN ngày 22/3/2019)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG U&I
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 3700348694
Ngày cấp: 09/6/2008.
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
Tên người đại diện theo pháp luật:
Ông/Bà: Vũ Xuân Dương Chức vụ: Giám Đốc
Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà U&I, số 9, đường Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Số điện thoại: 0274 3816284 Số fax:
E-mail: contact@uniconstruction.com.vn Website: www.uniconstruction.com.vn
Phạm vi hoạt động xây dựng:
1. Thi công xây dựng công trình:
- Dân dụng: Hạng I
- Công nghiệp (nhẹ): Hạng I
Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 22/3/2029.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019
CỤC TRƯỞNG

CỤC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

TS. Hoàng Quang Nhu

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG U&I
M.S.D.N: 3700348694 C.T.C.P
TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BDG-00017837

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 582/QĐ-SXD ngày 22/02/2019)

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Xây dựng U&I**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: **3700348694**

Nơi cấp: **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương**

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/bà: **Vũ Xuân Dương** - Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: **Tòa nhà U&I, số 9, đường Ngô Gia Tự, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**

Số điện thoại: **02743816284**

Số fax: **02743816285**

Email: **www.uniconstruction.com.vn**

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:
Thi công xây dựng
- Dân dụng Hạng II
- Công nghiệp Hạng II
- Giao thông (đường bộ) Hạng III
- Hạ tầng kỹ thuật (Cấp, thoát nước) Hạng III

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày 21/02/2029.

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2019
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Võ Hoàng Ngân

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
- - - - - - -

M.S.D.N: 3700348694-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG U&I
TP. THỦ DẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Số: BDG-00017837

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 138/QĐ-SXD ngày 08/11/2018)

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Xây dựng U&I**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: **3700348694**

Nơi cấp: **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương**

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/bà: **Vũ Xuân Dương** - Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: **Tòa nhà U&I, số 9, đường Ngô Văn Tự, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**

Số điện thoại: **02743816284**

Số fax: **02743816285**

Email:

Website:**www.uniconstruction.com.vn**

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Lập Quy hoạch xây dựng Hạng II

2. Thiết kế, thẩm tra thiết kế

- Dân dụng và Công nghiệp (Kiến trúc, Kết cấu, Điện, Cấp, thoát nước) Hạng II
- Hạ tầng kỹ thuật (Cấp, thoát nước) Hạng II

*Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày **08/11/2028**.*

*Bình Dương, ngày **08** tháng **11** năm **2018***
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Võ Hoàng Ngân

FINANCIAL FIGURES - *SỐ LIỆU TÀI CHÍNH*

Summary of assets and liabilities based on reports of financial situation which have been approved or audited in the past 4 years (enclosing audited financial reports):

Tóm tắt về tài sản có và tài sản nợ trên cơ sở báo cáo tình hình tài chính đã được kiểm toán trong vòng 1 ÷ 4 năm tài chính vừa qua 2014 – 2018.

Unit: VNĐ

Item	DESCRIPTION	YEAR			
		01/7/2017-30/6/2018	01/7/2016-30/6/2017	01/7/2015-30/6/2016	01/7/2014-30/6/2015
1	**Doanh thu** *Turnover*	815,375,680,292	688,497,109,721	593,577,096,923	435,632,541,715
2	**Lợi nhuận trước thuế** *Profits before tax*	12,482,335,215	9,812,154,552	8,686,169,929	5,166,535,303
3	**TỔNG TÀI SẢN** ***Total assets***	1,459,782,861,529	1,341,697,551,961	933,895,740,059	764,112,976,233
	Tài sản lưu động *Liquid assets*	1,459,782,861,529	1,341,697,551,961	933,895,740,059	764,112,976,233
	Tài sản cố định *Fixed assets*	587,850,427,452	593,608,013,888	305,832,273,629	293,897,504,901
4	**TỔNG NGUỒN VỐN** ***Capital***	1,459,782,861,529	1,341,697,551,961	933,895,740,059	764,112,976,233
	Nợ phải trả *Total liabilities*	1,152,179,132,231	1,043,840,086,916	643,887,998,656	480,880,447,375
	Nguồn vốn chủ sở hữu *Source of capital*	307,603,729,298	297,857,465,045	290,007,741,403	283,232,528,858

3. CONSTRUCTION EXPERIENCES - *HỒ SƠ KINH NGHIỆM*

Civil and industrial construction experience

Tổng số năm kinh nghiệm trong xây lắp công trình dân dụng và chuyên dụng

Construction Project Type *Loại công trình xây lắp*	**Year of experience** *Số năm kinh nghiệm*
1. **Civil construction** – *Xây lắp dân dụng*	19.0
2. **Industrial construction** – *Xây lắp công nghiệp*	18.0
3. **Electrical civil construction** – *Xây lắp điện dân dụng*	14.0

Contracts implemented in the last 5-13 years *(Danh sách các Hợp Đồng đã thực hiện trong thời gian 5-13 năm gần đây):*

Name of project ***Tên dự án***	**Amount** ***Tổng giá trị (VND)***	**Contract Term** ***Thời hạn hợp đồng***		**Nationality** ***Quốc Gia***	**Business** **Lĩnh vực**	**Owner** ***Chủ đầu tư***
		Start ***Bắt đầu***	**Finish** ***Kết thúc***			
BUILDING PROJECT - *DỰ ÁN NHÀ CAO TẦNG*						
FAIRFIELD BY MARRIOTT SOUTH BINH DUONG HOTEL *KHÁCH SẠN FAIRFIELD MARIOTT NAM BÌNH DƯƠNG* • CSA work • M&E work	**236,130,613,046** $10,402,202	08/2017	12/2019	**Việt Nam**	**Hotel**	**GREEN VIEW SHAREHOLDING COMPANY** *CÔNG TY CỔ PHẦN TẦM NHÌN XANH* (Số 5, Đại Lộ Hữu Nghị, KCN Vsip I, Thuận An, Bình Dương)
HOSPITAL WOMEN AND CHILDREN OF BINH DUONG *BỆNH VIỆN PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM MẪU NHI* • CSA work • M&E work	**79,625,310,104** $3,791,681	06/2014	10/2015	**Việt Nam**	**Hospital**	**HOSPITAL WOMEN AND CHILDREN CHILD CO., LTD** *CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM MẪU NHI* (Số 132, CMT8, P. Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương)
LUXEL SERVICED APRTMENT *CAO ỐC CĂN HỘ DỊCH VỤ* • CSA work • M&E work	**127,414,034,550** $5,766,409	06/2011	10/2012	**Korea**	**Serviced Apartment**	**LUXEL APT JVC** *CÔNG TY TNHH LUXEL APT* (Lô C6B02-2, Đường Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
IBIS SAIGON SOUTH HOTEL *CAO ỐC KHÁCH SẠN* • CSA work • M&E work	**86,557,084,688** $4,121,766	10/2010	11/2011	**Korea**	**Hotel**	**VIET HAN HOTEL CORPORATION** *CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VIỆT HÀN* (Lô C6B02-2, Đường Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Quận 7, TPHCM)
TAN DA COMMERCIAL SERVICES CENTER *TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẢN ĐÀ* • CSA work • M&E work	**68,894,350,000** $3,360,700	06/2009	08/2010	**Việt Nam**	**Office**	**DIST 5 HOUSING DEVELOPMENT AND MANAGEMENT COMPANY** *CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 5* (Góc Tản Đà-Nguyễn Trãi, Phường 11, Q.5, TP HCM)
BS1 OFFICE BUILDING *CAO ỐC VĂN PHÒNG BS1* • CSA work • M&E work	**51,000,021,000** $2,372,094	06/2007	06/2008	**Korea**	**Office**	**HAPPY SONGLIM PARTNERSHIP CORP.,** *CÔNG TY LIÊN DOANH HAPPY SONGLIM* (Lô Cr3-3 Khu đô thị mới Nam Thành Phố, P.Tân Phú,Q.7,TPHCM)
RESIDENTIAL PROJECT - *DỰ ÁN KHU DÂN CƯ*						
VINCOM TAY NINH *VINCOM TÂY NINH* • CSA work • M&E work	**60,350,000,000** $2,658,000	05/2017	5/2018	**Việt Nam**	**Shouhouse**	**VINGROUP CORPORATION – JSC** *TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP* (Khu phố 1, phường 3, Tp.Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh)
THE MANOR ECO + LAO CAI *THE MANOR ECO + LÀO CAI* • CSA work	**81,026,325,419** $3,858,396	10/2014	08/2015	**Việt Nam**	**Villa** *Biệt thự*	**BITEXCO JOINT STOCK COMPANY** *CÔNG TY CỔ PHẦN BITEXCO* (Tháp The Manor, đường Mễ Trì, P. Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
VINPEARL NHA TRANG *VINPEARL NHA TRANG* • CSA work	**26,488,164,000** $1,237,765	09/2014	12/2014	**Việt Nam**	**Villa** *Biệt thự*	**VINPEARL NHA TRANG CO., LTD** *CÔNG TY TNHH VINPEARL NHA TRANG* (Đảo Hòn Tre – P.Vĩnh Nguyên – TP Nha Trang – Khánh Hòa)
CANON BẮC NINH WORKER DORMITORY *KHU NHÀ Ở CÔNG NHÂN CANON BẮC NINH* • CSA work • M&E work	**93,408,000,000** $ 4,448,000	04/2012	12/2012	**Singapore**	**Worker dormitory** *Khu lưu trú công nhân*	**RED RIVER ASSETS MANAGEMENT CO., LTD (REDAMCO)** *CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN SÔNG HỒNG* (KCN Quế Võ, Bắc Ninh)
THE SEASON URBAN *KHU ĐÔ THỊ THE SEASON* • Infrastructure work	**42,000,000,000** $2,372,094	2012	2015	**Việt Nam**	**Urban** *Khu đô thị*	**DAT VIET CORPORATION** *CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẤT VIỆT* (P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, T. Bình Dương)
LONG HAU DORMITORY *KHU LƯU TRÚ LONG HẬU* • CSA work • M&E work	**76,148,000,000** $3,626,095	02/2009	10/2011	**Việt Nam**	**Dormitory** *Khu lưu trú*	**LONG HAU CORPORATION** *CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU* (Khu CN Long Hậu H. Cần Giuộc, T. Long An)
MY PHUOC VILLA AND TOWNHOUSE PROJECT *DỰ ÁN LÀNG BIỆT THỰ VÀ LIÊN KẾ MỸ PHƯỚC* • CSA work	**39,529,255,000** $1,838,570	03/2008	12/2009	**Việt Nam**	**Villa and Townhouse** *Biệt thự và liên kế*	**BECAMEX UDJ** *CÔNG TY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BECAMEX UDJ* (Khu CN Mỹ Phước 3, H. Bến Cát, T. Bình Dương)
IJC BUSINESS STREET *PHỐ THƯƠNG MẠI IJC* • CSA work	**30,276,085,000** $1,408,190	03/2008	03/2009	**Việt Nam**	**Business street** *Phố thương mại*	**BECAMEX IJC** *CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT BECAMEX IJC* (Khu CN Mỹ Phước 3, H. Bến Cát, T. Bình Dương)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
INDUSTRIAL PROJECT - *DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP*						
GRAND WOOD(VN) FACTORY *NHÀ XƯỞNG GLORY OCEANIC(VIỆT NAM)* • Legal procedure • CSA work • M&E work	**339,546,282,735** $15,279,583	12/2018	07/2019	**Taiwan**	**Factory** *Nhà xưởng*	**GLORY OCEANIC(VN)CO.,LTD** *CÔNG TY TNHH GLORY OCEANIC(VN)* (Xã Hội Nghĩa, Tx.Tân Uyên, T.Bình Dương)
FACTORY FOR RENTAL *NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ* • CSA work • M&E work	**37,602,721,297** $1,616,974	10/2018	06/2019	**Việt Nam**	**Factory** *Nhà xưởng*	**COCRETE 620 DONG TAM CO.,LTD** *CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG 620 ĐỒNG TÂM* (Khu B3, KCN Thuận Đạo, TT.Bến Lức, T.Long An)
FACTORY LOT D7&D8 RENTAL *NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ LÔ D7&D8* • CSA work • M&E work	**98,644,438,499** $4,241,860	09/2018	10/2019	**Việt Nam**	**Factory** *Nhà xưởng*	**VAM CO FOOD CO.,LTD** *CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VÀM CỎ* (Khu TMDV, đường số 1, KCN Thuận Đạo, H.Bến Lức, T.Long An)
- LTH 103 -LAND LEVELING WORKS *LTH103- CT SAN LẤP MẶT BẰNG* **- LTH 109a- CIVIL WORKS** *LTH109a- CT XÂY DỰNG* **- LTH 103 - INFRASTRUCTURE WORKS** *LTH103- CT HẠ TẦNG* **- LTH 103 -CIVIL WORKS** *LTH103- CT XÂY DỰNG*	**180,771,359,590** $7,758,427	01/2018	06/2019	**Germany**	**Factory** *Nhà xưởng*	**BOSCH VIETNAM CO.,LTD** *CÔNG TY TNHH BOSCH VIỆT NAM* (Đường số 8, KCN Long Thành, Xã Tân An, H.Long Thành, T.Đồng Nai)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
CONSTRUCTION TRAN QUANG III FACTORY *XÂY DỰNG NHÀ MÁY TRẦN QUANG III* • CSA work • M&E work	**38,643,440,298** $1,732,890	12/2017	10/2018	**Việt Nam**	**Factory** *Nhà xưởng*	**TRAN QUANG VIETNAM CO.,LTD** *CÔNG TY TNHH TRẦN QUANG VIỆT NAM* (47,Đường số 6, KCN Vsip 1, Thuận An, Bình Dương)
LONG AN INTERNATIONAL PORT *CẢNG QUỐC TẾ LONG AN* • Land leveling work • CSA work • M&E work	**588,008,090,799** $25,236,399	10/2017	12/2019	**Việt Nam**	**Factory** *Nhà xưởng*	**LONG AN PORT CORP.,** *CÔNG TY CP CẢNG LONG AN* (Xã Tân Lập, Huyện Cần Giộc, Tỉnh Long An)
CONSTRUCTION BM –LA STAGE 2 *XÂY DỰNG BM – LA GĐ2* • CSA work • M&E work **BINH MINH PLASTIC -STAGE 1** *CÔNG TY CP NHỰA BÌNH MINH- GĐ1* • CSA work • M&E work	**140,583,586,047** $6,326,261 **70,465,610,000** $3,355,505	04/2017 02/2015	10/2017 02/2016	**Việt Nam**	**Factory** *Nhà xưởng*	**BINH MINH PLASTIC** *CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH* (240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. Hồ Chí Minh)
DONG TAM CONCRETE FACTORY *NHÀ XƯỞNG BÊ TÔNG ĐỒNG TÂM* • CSA work	**58,253,239,000** $2,773,964	12/2016	07/2017	**Việt Nam**	**Factory** *Nhà xưởng*	**DONG TAM CORP.,** *CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM* (Số 7, Khu phố 6, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An)
DE LICACY (VIET NAM) FACTORY *NHÀ XƯỞNG DELICACY VIỆT NAM* • CSA work	**66,660,000,000** $2,983,218	09/2016	01/2016	**Taiwan**	**Factory** *Nhà xưởng*	**VIETNAM DE LICACY INDUSTRIAL CO.,LTD** *CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP DELICACY VIỆT NAM* (Lô A,10,CN Khu công nghiệp Bàu Bàng, Xã Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
FACTORY FOR RENT *NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ* • CSA work • M&E work	**52,645,314,000** $2,506,920	07/2016	02/2017	**Việt Nam**	**Factory** *Nhà xưởng*	**VAMCO FOOD CO.,LTD** *CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VÀM CỎ* (Số 7, Khu phố 6, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An)
KOIKEYA VIETNAM NEW FACTORY *NHÀ MÁY KOIKEYA VIỆT NAM* • CSA work • M&E work	**20,240,000,000** $963,809	06/2016	02/2017	**Japan**	**Factory** *Nhà xưởng*	**KOYKEYA VIET NAM CO., LTD** *CÔNG TY TNHH KOYKEYA VIỆT NAM* (Đường N3-2, KCN Long Đức, P. Long Đức, H. Long Thành, T. Đồng Nai, Việt Nam)
FACTORY – OFFICE AND ANCILLARY ITEMS *NHÀ XƯỞNG – VĂN PHÒNG VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ* • CSA work • M&E work	**47,787,265,000** $2,983,218	07/2016	02/2017	**Ireland**	**Factory** *Nhà xưởng*	**ROYAL CONRITHIAN VIETNAM COMPANY LIMITED** *CÔNG TY TNHH NỘI THẤT CAO CẤP HOÀNG GIA* (Lô A19, đường số 6, Cụm Công Nghiệp Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)
XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ KHU CÔNG NGHIỆP SÓNG THẦN • CSA work • M&E work	**52,636,153,000** $2,370,998	03/2016	09/2016	**Việt Nam**	**Warehouse** *Nhà kho*	**ĐAI NAM CORPORATION** *CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI NAM* (1765A Đại Lộ Bình Dương, Phường Hiệp An, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương)
KIEN LONG BANK WAREHOUSE *KHO KIÊN LONG BANK CẦN ĐƯỚC* • CSA work • M&E work	**112,534,126,000** $5,055,441	02/2016	12/2016	**Việt Nam**	**Warehouse** *Nhà kho*	**KIEN LONG COMMERCIAL JOINT- STOCK BANK** *CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN- NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG* (Số 40-42-44, Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
COMPASS II FACTORY *NHÀ XƯỞNG COMPASS II* • CSA work • M&E work	**35,750,000,000** $1,702,381	01/2016	06/2016	**Taiwan**	**Factory** *Nhà xưởng*	**COMPASS II CO., LTD** *CÔNG TY TNHH COMPASS II* (35 Độc lập, KCN Việt Nam Singapore, TX Thuận An, Tỉnh Bình Dương)
SAO NAM FACTORY *NHÀ XƯỞNG SAO NAM* • CSA work • M&E work	**74,264,988,000** $3,536,428	01/2016	06/2016	**Việt Nam**	**Factory** *Nhà xưởng*	**SAO NAM CO., LTD** *CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SAO NAM* (Phường Thạnh Phước, TX Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)
CLOVER VIETNAM FACTORY *NHÀ MÁY CLOVER VIỆT NAM* • CSA work • M&E work	**35,306,000,000** $1,681,238	11/2015	04/2016	**U.S.A**	**Factory** *Nhà máy*	**CLOVER VIETNAM Co., Ltd** *CÔNG TY TNHH CLOVER VIỆT NAM* (Ấp Bàu Cạp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, T.P HCM)
HI-TECH PARK BONDED WAREHOUSE AND LOGISTICS CENTER *KHO NGOẠI QUAN VÀ TRUNG TÂM LOGISTICS* *KHU CÔNG NGHỆ CAO* • CSA work • M&E work	**154,669,000,000** $7,365,190	09/2015	02/2016	**Việt Nam**	**Warehouse** *Nhà kho*	**TRANSIMEX-SAIGON CORPORATION** *CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON* (172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận I, TP.Hồ Chí Minh)
THOMAS CAREY FACTORY *NHÀ XƯỞNG THOMAS CAREY* • Piling work • CSA work • M&E work	**78,813,804,000** $3,753,038	06/2015	02/2016	**Ireland**	**Factory** *Nhà xưởng*	**THOMAS CAREY CORPORATION** *CÔNG TY CỔ PHẦN THOMAS CAREY* (KCN Uyên Hưng, H. Tân Uyên, T. Bình Dương)
CHAN KIET CORPORATION *CÔNG TY CỔ PHẦN CHẤN KIỆT* • CSA work • M&E work	**84,254,317,379** $4,012,110	05/2015	06/2017	**Taiwan**	**Factory** *Nhà xưởng*	**CHAN KIET CORPORATION** *CÔNG TY CỔ PHẦN CHẤN KIỆT* (Bến Cát, Bình Dương)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
RIKEN VIETNAM FACTORY PJ *NHÀ XƯỞNG RIKEN VIỆT NAM* • Piling work • CSA work • M&E work	**133,839,462,905**$ 5,989,683	04/2015	07/2016	**Japan**	**Factory** *Nhà xưởng*	**RIKEN VIETNAM CO., LTD** *CÔNG TY TNHH RIKEN VIỆT NAM* (KCN Vsip IIA, T. Bình Dương)
THORESEN VINAMA FACTORY *NHÀ XƯỞNG THORESEN VINAMA* • CSA work • M&E work	**73,266,000,000** $3,277,388	10/2014	06/2016	**Finland**	**Warehouse** *Kho*	**THORESEN VINAMA LOGISTICS Co., Ltd** *CÔNG TY TNHH THORESEN VINAMA LOGISTICS* (KCN Phú Mỹ 1, T. Bà Rịa Vũng Tàu)
ITL KEPPEL WAREHOUSE *KHO NGOẠI QUAN ITL KEPPEL* • CSA work • M&E work	**40,161,888,091** $1,912,471	05/2014	10/2015	**Singapore Việt Nam**	**Warehouse** *Kho*	**INDO–TRANS KEEPEL LOGISTIC VIETNAM** *CÔNG TY INDO – TRANS KEPPEL LOGISTIC VIỆT NAM* (52, Trường Sơn, quận Tân Bình, TP. HCM)
DONG TAY FACTORY *NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐÔNG TÂY* • CSA work • M&E work	**69,600,435,300** $3,314,306	5/2014	02/2016	**Việt Nam**	**Factory** *Nhà xưởng*	**DONG TAY – CO., LTD** *CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐÔNG TÂY* (Xã Tân Hiệp, H.Tân Uyên, T. Bình Dương)
BINH THANG BONDED WAREHOUSE *KHO NGOẠI QUAN BÌNH AN* • CSA work	**74,948,509,383** $3,568,977	02/2014	10/2014	**Việt Nam**	**Bonded Warehouse** *Kho ngoại quan*	**BINH DUONG TRADE AND TOURISM CORP.,** *CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH BÌNH DƯƠNG* (Số 1, xa lộ Xuyên Á, P. An Bình, TX. Dĩ An,T. Bình Dương
CKL (VIET NAM) FACTORY *NHÀ MÁY CKL VIETNAM* • Piling work • CSA work	**53,460,000,000** $ 2,545,714	08/2013	03/2014	**Malaysia**	**Factory** *Nhà máy*	**CKL VIETNAM CO., LTD** *CÔNG TY TNHH CKL VIỆT NAM* (KCN Sóng Thần 3, T. Bình Dương)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
N.E.W (VIET NAM) FACTORY *NHÀ MÁY N.E.W VIỆT NAM* • CSA work	**12,133,220,000** $577,772	05/2013	11/2013	**Japan**	**Factory** *Nhà xưởng*	**N.E.W VIETNAM CO., LTD** *CÔNG TY TNHH N.E.W Việt Nam* (KCN Amata, TP.Biên Hòa, T. Đồng Nai)
TECHNO EXCEL VIETNAM CO., LTD. *CÔNG TY TECHNO VIỆT NAM* • Piling work • CSA work	**23,751,000,000** $ 1,131,000	03/2012	12/2012	**Japan**	**Factory** *Nhà xưởng*	**TECHNO EXCEL VIETNAM CO., LTD.** *CÔNG TY TNHH TECHNO VIỆT NAM* (KCN Vsip IIA, H. Tân Uyên, T. Bình Dương)
YKK (VIET NAM) FACTORY *NHÀ MÁY YKK VIỆT NAM* • Piling work • CSA work	**100,403,524,229** $ 4,781,120	02/2012	11/2012	**Japan**	**Factory** *Nhà máy*	**YKK VIETNAM CO., LTD** *CÔNG TY TNHH YKK VIỆT NAM* (KCN Nhơn Trạch 3, T. Đồng Nai)
XP POWER (Vietnam) FACTORY *NHÀ MÁY XP POWER* • CSA work	**37,894,106,000** $ 1,848,493	04/2011	09/2011	**Singapore**	**Factory** *Nhà máy*	**XP POWER** **(VIETNAM) CO., LTD** *CÔNG TY TNHH XP POWER (VIỆT NAM)* (Khu CN Mỹ Phước 3, T. Bình Dương)
GALLERY AND SALES OFFICE OF TAN THANG **RESIDENTAL AREA** *KHU TRƯNG BÀY CĂN HỘ MẪU THƯƠNG TÍN TÂN THẮNG* • CSA work • M&E work	**45,282,613,498** $2,100,000	11/2010	05/2011	**Malaysia**	**Sales gallery** *Khu trưng bày*	**SAI GON THUONG TIN TANTHANG LAND INVESTERMENT JOINT STOCK COMPANY** *CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN TÂN THẮNG* (Quận Tân Phú, TP HCM)
ARECO BONDED WAREHOUSE *KHO NGOẠI QUAN ARECO* • CSA work • M&E work	**159,138,000,000** $7,578,000		12/2012	**Việt Nam**	**Bonded Warehouse** *Kho ngoại quan*	**ARECO REAL CORP** *CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ARECO* (Số 1, xa lộ Xuyên Á, P. An Bình, TX. Dĩ An,T. Bình Dương)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
AN PHUOC SEAFOOD FACTORY *NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN AN PHƯỚC* • CSA work	**27,300,000,000** $1,300,000	10/2009	12/2009	**Việt Nam**	**Factory** *Nhà máy*	**AN PHUOC CORP.,** *CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN AN PHƯỚC* (H. Mang Thít, T. Vĩnh Long)
KAIYO SEAFOOD FACTORY *NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THỦY SẢN KAIYO* • CSA work	**18,938,262,000** $901,822	08/2009	03/2010	**Japan**	**Factory** *Nhà máy*	**KAIYO SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY** *CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THỦY SẢN KAIYO* (KCN Tân Đức, T. Long An)
PLUS VIETNAM FACTORY *NHÀ MÁY PLUS VIỆT NAM* • CSA work	**22,385,000,000** $1,065,952	07/2009	01/2010	**Japan**	**Factory** *Nhà máy*	**PLUS VIETNAM INDUSTRIAL CO.,LTD** *CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP PLUS VIỆT NAM* (Khu CN Nhơn Trạch 3, T. Đồng Nai)
VHOME FURNITURE SUPERMARKET *SIÊU THỊ NỘI THẤT VHOME* • CSA work • M&E work	**74,130,000,000** $3,530,000	01/2009	10/2009	**Việt Nam**	**Furniture supermarket** *Siêu thị nội thất*	**U&I CONSTRUCTION CORP.,** *CÔNG TY CỔ PHẦN XD U&I* (Số 09, Ngô Gia Tự, P. Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương)
PUMA VILLAGE *KHU LIÊN HỢP LÀNG PUMA* • CSA work • M&E work	**181,302,000,000** $10,301,250	08/2008	09/2009	**Germany**	**Village** *Khu liên hợp*	**WORLD CAT VIETNAM CO.,LTD** *CÔNG TY TNHH WORLD CAT VN* (Lô E.01, Đường Trung Tâm, Khu Công Nghiệp Long Hậu Xã Long Hậu, H. Cần Giuộc, T. Long An)
OTTOGI VIETNAM FACTORY *NHÀ XƯỞNG OTTOGI VIỆT NAM* • CSA work • M&E work	**41,380,500,000** $1,970,500	08/2008	04/2009	**Korea**	**Factory** *Nhà xưởng*	**OTTOGI VIETNAM CO.,LTD** *CÔNG TY TNHH OTTOGI VIỆT NAM* (Lô G-3-CN, KCN Mỹ Phước, H. Bến Cát, T. Bình Dương)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
PRESTAR FACTORY *NHÀ MÁY PRESTAR* • CSA work • M&E work	**46,200,000,000** $2,200,000	07/2007	01/2008	**Malaysia**	**Factory** *Nhà máy*	**PRESTAR INDUSTRIAL CO., LTD** *CÔNG TY TNHH PRESTAR* (Khu CN Sóng thần 3, H. Tân Uyên, T. Bình Dương)
DAEWOO BUS VIETNAM *NHÀ XƯỞNG DAEWOO BUS VIETNAM* • CSA work • M&E work	**46,200,000,000** $2,318,000	04/2007	11/2008	**Malaysia**	**Factory** *Nhà xưởng*	**DAEWOO BUS VIETNAM CO., LTD** *CÔNG TY TNHH DAEWOO BUS VIỆT NAM* (Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc, Việt Nam)
NAM TAN UYEN WAREHOUSE PHRASE *CỤM KHO NGOẠI QUAN NAM TÂN UYÊN* • CSA work • M&E work	**360,100,915,860** $17,147,663	2005	04/2016	**Việt Nam**	**Bonded warehouse** *Kho ngoại quan*	**U&I TRANSPORTATION CORP.,** *CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI U&I* (Khu CN Nam Tân Uyên, H. Tân Uyên, T. Bình Dương)
STARWOOD FURNITURE MANUFACTURING FACTORY *NHÀ XƯỞNG SX ĐỒ GỖ STARWOOD* • CSA work • M&E work	**109,784,269,924** $5,227,822	08/2004	01/2016	**China**	**Wood furniture** *Đồ gỗ*	**STARWOOD FURNITURE MANUFACTURING CO., LTD** *CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ GỖ STARWOOD* (Tân Uyên, T. Bình Dương)
PORT PROJECT - *DỰ ÁN CẢNG*						
THANH PHUOC PORT *CẢNG THẠNH PHƯỚC* • CSA work	**29,211,000,000** *$1,391,000*	09/2010	12/2011	**Việt Nam**	**Port** *Cảng*	**THANH PHUOC PORT CORP.,** *CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THẠNH PHƯỚC* (Thạnh Phước, H. Tân Uyên, T. Bình Dương)
CAI MEP INTERNATIONAL TERMINAL *THIẾT KẾ - XÂY DỰNG CẢNG QUỐC TẾ CÁI MÉP* • CSA work	**45,640,845,000** $2,122,830	06/2010	08/2011	**Korea**	**Port** *Cảng*	**POSCO E&C** (Khu CN Phú Mỹ 2, Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu)

Name of project *Tên dự án*	Amount *Tổng giá trị (VND)*	Contract Term *Thời hạn hợp đồng*		Nationality *Quốc Gia*	Business Lĩnh vực	Owner *Chủ đầu tư*
		Start *Bắt đầu*	Finish *Kết thúc*			
EDUCATION PROJECT - *DỰ ÁN TRƯỜNG HỌC*						
PHU DONG PRIMARY SCHOOL *TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÙ ĐỔNG* • CSA work • M&E work	**39,585,155,000** $1,841,170	06/2008	05/2009	**Việt Nam**	**Primary school** *Trường tiểu học*	**NGỌC THANH CO., LTD** *CÔNG TY TNHH NGỌC THANH* (TT Mỹ Phước, H. Bến Cát, T. Bình Dương)

4. CONSTRUCTION EQUIPMENTS – *THIẾT BỊ CHÍNH PHỤC VỤ THI CÔNG*

CONSTRUCTION EQUIPMENT – *THIẾT BỊ XÂY DỰNG*:

No *Stt*	**Equipment** *Thiết bị*	**Q'ty** *Số lượng*	**Year of Manufacturing** *Năm sản xuất*	**Asset –** *Tài sản*		**Status** *Chất lượng thực tế*
				Own *Sở hữu*	**Rent** *Thuê*	
1	**Dump truck** – *Xe ben*	4	1996~2016	X		80%
2	**Grader** – *Xe ban*	1	1998	X		75%
3	**Bulldozer** – *Xe ủi*	7	1996~2016	X		85%
4	**Excavator** – *Xe cuốc*	10	2010~2016	X		80~90%
5	**Truck** – *Xe tải*	5	2006~2016	X		80~90%
6	**Vibrator** – *Đầm dùi*	14	2012~2016	X		70~95%
7	**Concrete mixer** *Máy trộn bê tông*	12	2012~2016	X		75~95%
8	**Floor helicopter** *Máy xoa nền*	9	2010~2015	X		75~90%
9	**Rammer** – *Đầm cóc*	14	2012~2016	X		70~90%
10	**Generator** *Máy phát điện*	7	2010~2015	X		80~90%

SURVEY EQUIPMENT – *THIẾT BỊ TRẮC ĐẠC*:

Equipment *Thiết bị*	**Brand name** *Thương hiệu*	**Ownership** *Sở hữu*	**Q'ty** *Số lượng*	**Status** *Chất lượng*
Total stations *Máy toàn đạt*	Pentax AFL-320	X	12	95%
Theodolites *Máy kinh vĩ*	Pentax ETN-310	X	7	90%
Autolevels *Máy thủy bình*	Pentax AP-128	X	10	80~90%

5. HUMAN RESOURCE - *NĂNG LỰC NHÂN SỰ*

Number and Qualifications of Main Officers *(Số lượng và chất lượng cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật)*:

No	POSITION - *CHỨC DANH*	Post-graduate *Trên đại học*	University *Đại học*	College *Cao đẳng*	Intermidiate *Trung cấp*
A	**Management - *Quản lý***				
1	Engineer - *Kỹ sư XD*	2	3		
2	Bussiness administration - *Quản trị kinh doanh*		2		
3	Financial accounting - *Tài chính kế toán*		2		
B	**Scientific and technical staff *Khoa học kỹ thuật nghiệp vụ***				
1	Engineer - *Kỹ sư XD*		42	10	4
2	Architect - *Kiến trúc sư*		5		2
3	M&E engineers- *Kỹ sư M&E*		12		
4	Mechanical Engineers - *Kỹ sư cơ khí*		9	1	
5	Bridges Engineering - *Kỹ sư cầu đường*		6		3
6	Site safety - *An toàn lao động*		3		1
7	Financial accounting - *Tài chính kế toán*		4		
8	Business administration - *Quản trị kinh doanh*		6		
9	Bachelor of Law - *Cử nhân* luật				
10	Bachelor of English - *Cử nhân anh văn*		4		
	Total - *Tổng cộng*	2	98	11	10

Number and qualifications of technical workers (short-time and part-time) *(Số lượng và chất lượng công nhân kỹ thuật – hợp đồng ngắn hạn và bán thời gian):*

No *Stt*	POSITION - *CHỨC DANH*	EDUCATION LEVEL - *TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN*					
		Level 1 *Bậc 1*	**Level 2** *Bậc 2*	**Level 3** *Bậc 3*	**Level 4** *Bậc 4*	**Level 5** *Bậc 5*	**Total** *Tổng cộng*
A	**Technical worker - *Công nhân kỹ thuật***						
1	Construction worker *Công nhân xây dựng*	146	38	44	35	23	286
2	Infrastructure worker *Công nhân hạ tầng*	20	14	8	6	4	52
3	Mechanical worker *Công nhân cơ khí*	70	20	25	10	16	141
4	M&E worker *Công nhân điện nước*		16	12	8	5	41
B	**Other *Công nhân kỹ thuật khác***		30	50	25		105
Total - *Tổng cộng*		**236**	**118**	**139**	**84**	**48**	**625**

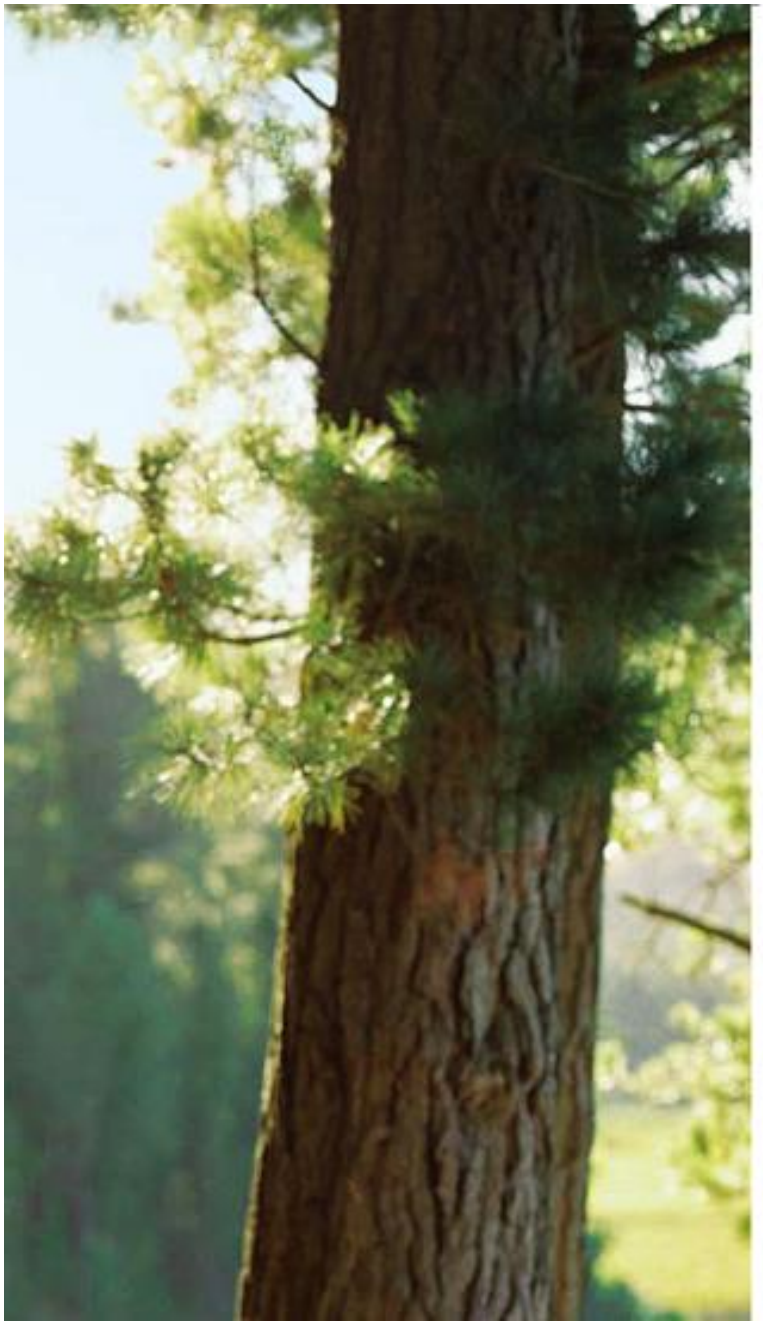

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU U&I ĐANG THI CÔNG - TYPICAL PROJECT U&I CONSTRUCTION

NHÀ XƯỞNG GRAND WOOD/ GRAND WOOD FACTORY

Địa điểm / Address:
X. Hội Nghĩa, Tx.Tân Uyên, T.Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY TNHH GLORY OCEANIC (VIỆT NAM)

Quy mô dự án / Project Size: **30 HA/ 150000m2**

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: **$15,279,583**

Khởi công / Commencement date: *12/2018*

Hoàn thành / Completion date: *07/2019*

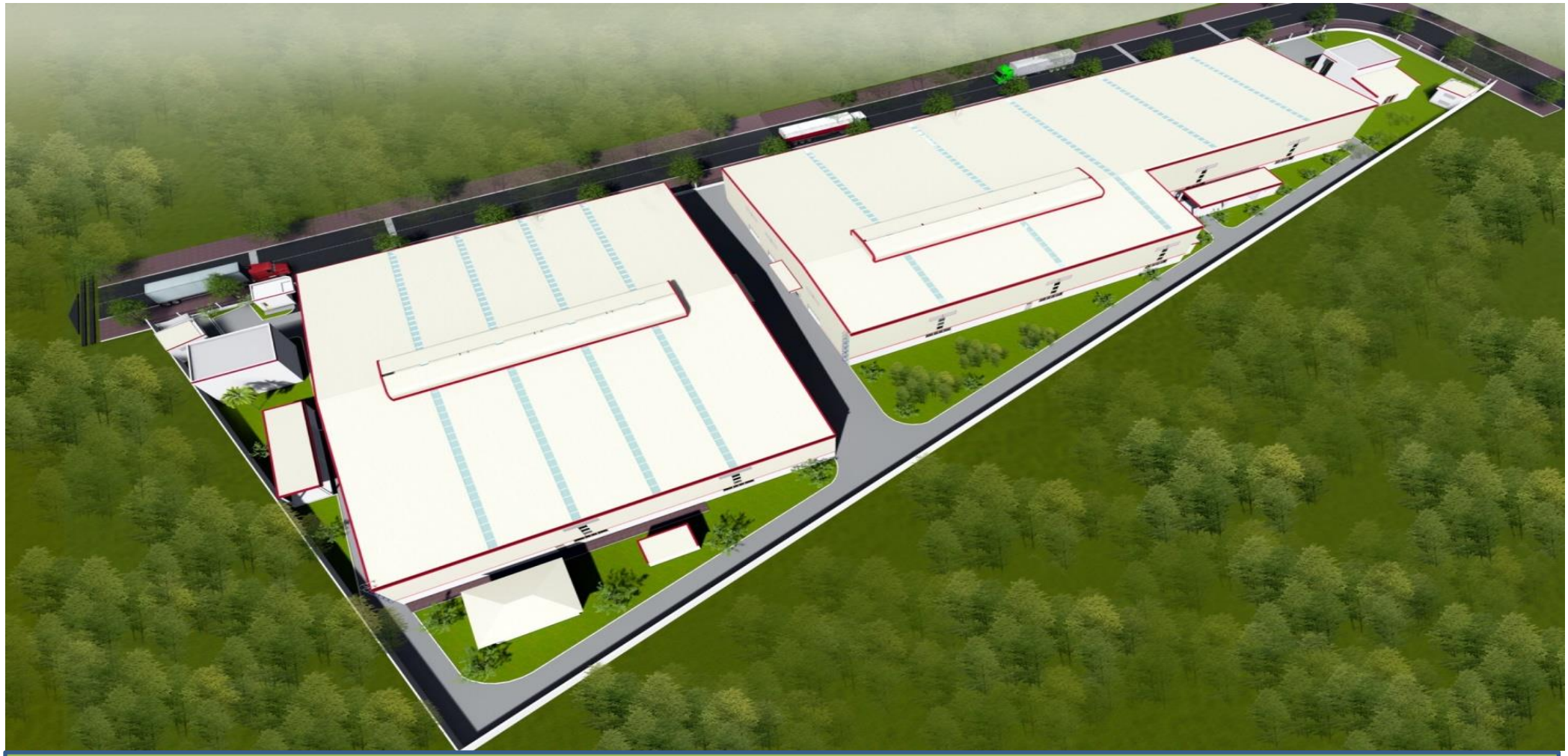

NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ/ FACTORY FOR RENTAL

Địa điểm / Address:
Khu B3, KCN Thuận Đạo, H.Bến Lức, T.Long An

Chủ đầu tư / The Owner: ***CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG 620 ĐỒNG TÂM***

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$1,616,974***

Quy mô dự án / Project Size:

Khởi công / Commencement date: ***10/2018***
Hoàn thành / Completion date: ***06/2019***

NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ LÔ D7&D8/ FACTORY LOT D7&D8 RENTAL

Địa điểm / Address:
Khu TMDV, đường số 1, KCN Thuận Đạo, H.Bến Lức, T.Long An

Chủ đầu tư / The Owner: ***CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VÀM CỎ***

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$4,241,860***

Quy mô dự án / Project Size:

Khởi công / Commencement date: ***09/2018***
Hoàn thành / Completion date: ***10/2019***

CẢNG QUỐC TẾ LONG AN/ LONG AN INTERNATIONAL PORT

Địa điểm / Address:
Xã Tân Lập, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

Chủ đầu tư / The Owner: ***CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG LONG AN***

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$23,218,712***

Quy mô dự án / Project Size: ***92,800 m2***

Khởi công / Commencement date: ***10/2017***
Hoàn thành / Completion date: ***12/2019***

KHÁCH SẠN FAIRFIELD BY MARIOTT NAM BÌNH DƯƠNG/FAIRFIELD BY MARIOTT SOUTH BINH DUONG HOTEL

Địa điểm / Address:
Số 5,Đại Lộ Hữu Nghị, KCN Vsip I, Thuận An, Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner: ***CÔNG TY CỔ PHẦN TẦM NHÌN XANH***

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$10,402,202***

Quy mô dự án / Project Size: ***14,590m2***

Khởi công / Commencement date: ***08/2017***
Hoàn thành / Completion date: ***12/2019***

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU U&I ĐÃ THI CÔNG - TYPICAL PROJECT U&I CONSTRUCTED

BS1 OFFICE BUILDING

Địa điểm / Address:

Khu đô thị mới Nam Sài Gòn Thành Phố, P. Tân Phú, Q.7

Chủ đầu tư / The Owner:
HAPPY SONGLIM PARTNERSHIP CORP.,
Quy mô dự án / Project Size: 7,200 m2
Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: $2,372,094

Khởi công / Commencement date: *06/2007*
Hoàn thành / Completion date: *06/2008*

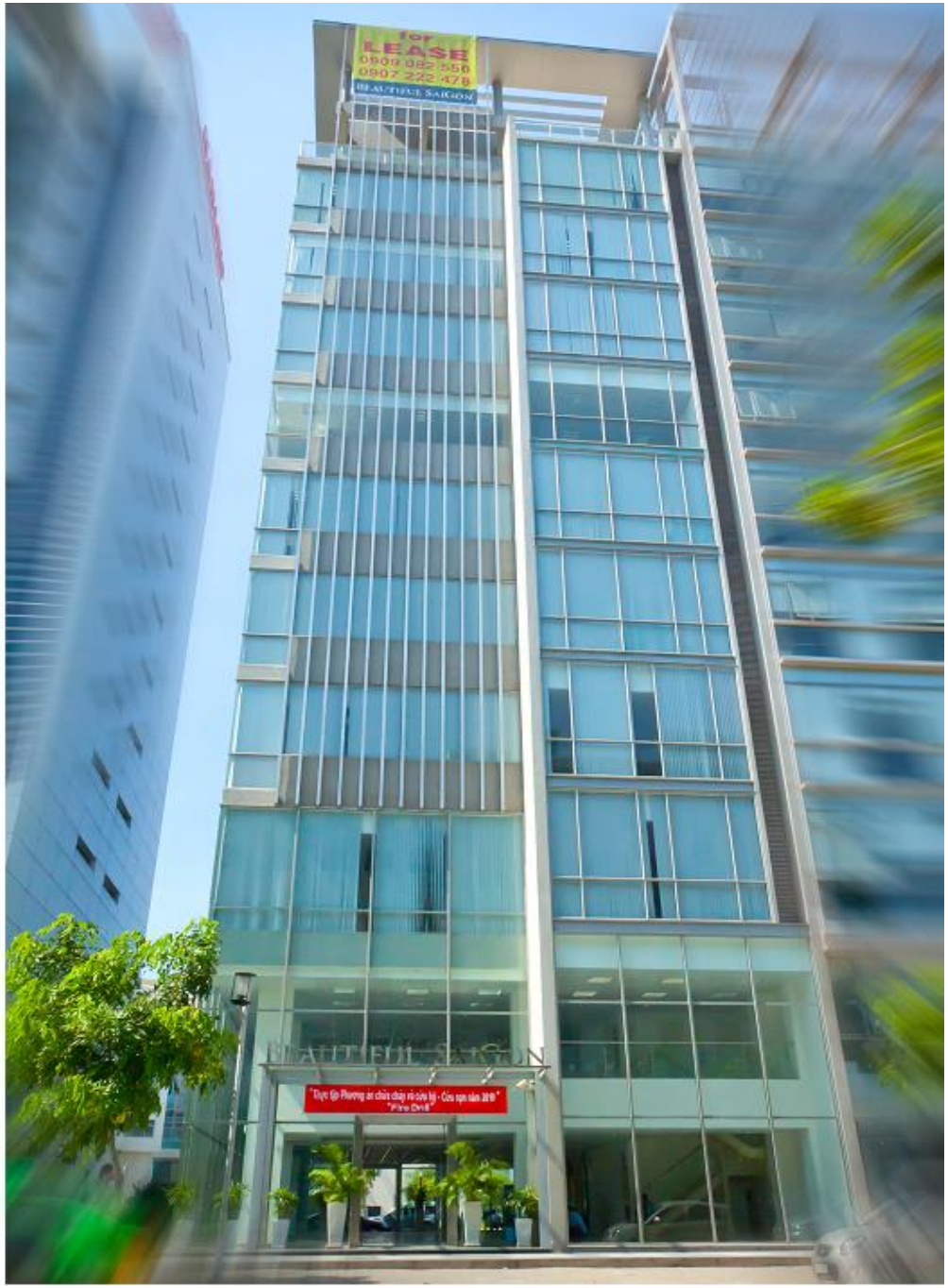

TAN DA COMMERCIAL SERVICES CENTER

Địa điểm / Address:

Góc Tản Đà – Nguyễn Trãi, Phường 11, quận 5

Chủ đầu tư / The Owner:
DIST 5 HOUSING DEVELOPMENT AND MANAGEMENT COMPANY

Quy mô dự án / Project Size: 5,000 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value: $3,360,700

Khởi công / Commencement date: *06/2009*

Hoàn thành / Completion date: *08/2010*

CAPRI BUILDING

Địa điểm / Address:

C6 Hoàng Văn Thái, Quận 7, Tp.HCM

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY TNHH LUXEL APT JVC
Quy mô dự án / Project Size: 13,130 m2
Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value: $5,761,409

Khởi công / Commencement date: *06/2011*

Hoàn thành / Completion date: *10/2012*

BỆNH VIỆN PHỤ NỮ TRẺ EM MẪU NHI

Địa điểm / Address:
P. Định Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY TNHH PHỤ NỮ TRẺ EM MẪU NHI

Quy mô dự án / Project Size: 11,623 m2

Tổng giá trị hợpđồng / Contract Value: $3,791,681

Khởi công / Commencement date: *04/2014*

Hoàn thành / Completion date: *12/2015*

VINCOM TÂY NINH – (SHOP HOUSE)

Địa điểm / Address:
Khu phố 1, Phường 3, TP.Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Chủ đầu tư / The Owner:

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$2,658,000***

Quy mô dự án / Project Size: ***80 căn shop house***

Khởi công / Commencement date: ***05/2017***
Hoàn thành / Completion date: ***05/2018***

VINCOM CÀ MAU

Địa điểm / Address:
Khu Văn Hóa TT-DL&DV TP.Cà Mau, T.Cà Mau

Chủ đầu tư / The Owner:

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$2,195,652***

Quy mô dự án / Project Size: ***54 căn villa***

Khởi công / Commencement date: ***06/2018***
Hoàn thành / Completion date: ***01/2019***

CANON BAC NINH WORKER DORMITORY

Địa điểm / Address:
KCN Quế Võ, Bắc Ninh

Chủ đầu tư / The Owner:
REDAMCO

Quy mô dự án / Project Size: 7,552 m2

Tổng giá trị hợp đông / Contract Value:
$4,448,000

Khởi công / Commencement date:
04/2012

Hoàn thành / Completion date: *12/2012*

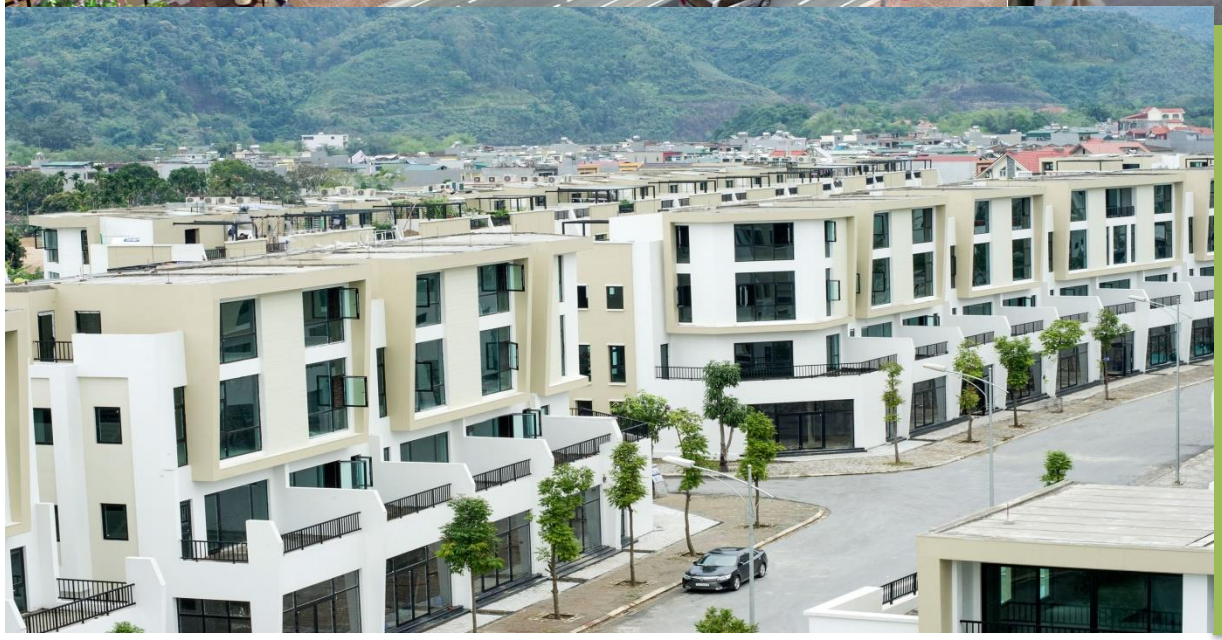

THE MANOR ECO LÀO CAI

Địa điểm / Address:
P.Bắc Cường, Tp. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY CP BITEXCO

Quy mô dự án / Project Size: 36 ha

Tổng giá trị hợp đông / Contract Value: $3,858,396

Khởi công / Commencement date: *04/2012*

Hoàn thành / Completion date: *12/2012*

THE SEASON URBAN

Địa điểm / Address:

P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
DAT VIET CORPORATION

Quy mô dự án / Project Size: 11,4 ha
Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value: $2,372,094

Khởi công / Commencement date: *2012*
Hoàn thành / Completion date: *2015*

LONG HAU DORMITORY

Địa điểm / Address:

KCN Long Hậu, H. Cần Giuộc, T. Long An

Chủ đầu tư / The Owner:

LONG HAU CORPORATION

Quy mô dự án / Project Size: 8,000 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value: $3,626,095

Khởi công / Commencement date: *2009*

Hoàn thành / Completion date: *10/2011*

DỰ ÁN LTH 103 &LTH 109/ LTH 103 & LTH 109 PROJECT

Địa điểm / Address:

KCN Long Thành, X. Tân An, H. Long Thành, T.Đồng Nai

Chủ đầu tư / The Owner:

CÔNG TY TNHH BOSCH VIỆT NAM

Quy mô dự án / Project Size:

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: $5,869,767

Khởi công / Commencement date: *01/2018*

Hoàn thành / Completion date: *05/2018*

NHÀ MÁY TRẦN QUANG III

Địa điểm / Address:
37 Đường số 8, KCN Vsip 1, Thuận An, Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:

CÔNG TY TNHH TRẦN QUANG VIỆT NAM

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$1,732,890***

Quy mô dự án / Project Size: **1,2 ha**

Khởi công / Commencement date: ***12/2017***
Hoàn thành / Completion date: ***10/2018***

XÂY DỰNG CÔNG TY CP NHỰA BÌNH MINH CN VĨNH LỘC - BẾN LỨC (GĐ2)

Địa điểm / Address:
KCN Vĩnh Lộc 2, Long An

Chủ đầu tư / The Owner:

CÔNG TY CP NHỰA BÌNH MINH

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$6,326,261***

Quy mô dự án / Project Size: **29,500 m2**

Khởi công / Commencement date: ***4/2017***
Hoàn thành / Completion date: ***10/2017***

LifeStyle Innovator

KIB PROJECT

허들링 2017

KOLON TIRE – NHÀ MÁY SẢN XUẤT LỐP XE KOLON

Địa điểm / Address:
KCN Bàu Bàng, Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:

KOLON GLOBAL CORPORATION

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$1,100,000***

Quy mô dự án / Project Size: **40.000 m2**

Khởi công / Commencement date: ***4/2017***
Hoàn thành / Completion date: ***6/2017***

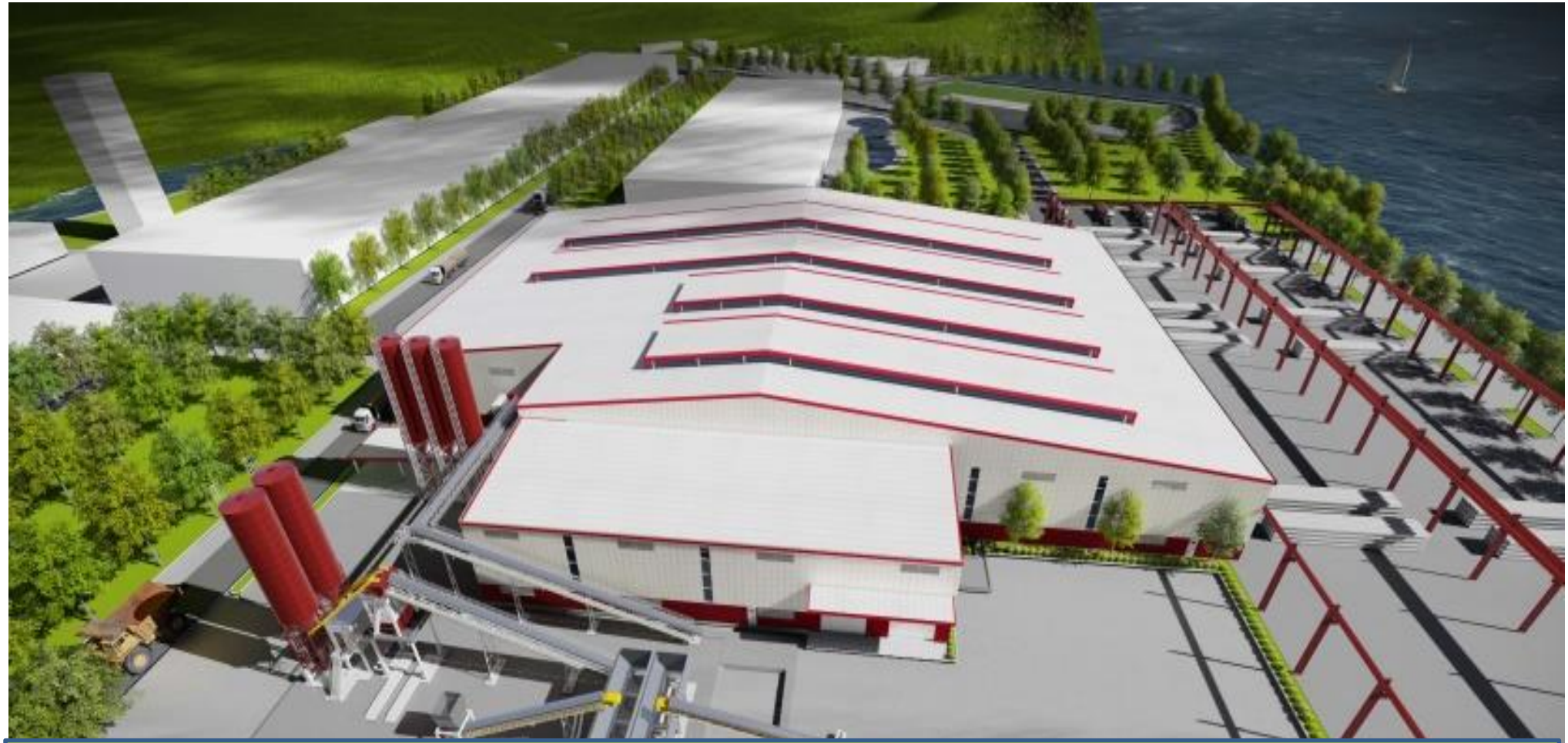

NHÀ MÁY BÊ TÔNG ĐỒNG TÂM

Địa điểm / Address:
Số 7, Khu phố 6, TT.Bến Lức, H.Bến Lức, T.Long An

Chủ đầu tư / The Owner:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$2,773,964***

Quy mô dự án / Project Size: **19,000 m2**

Khởi công / Commencement date: ***12/2016***
Hoàn thành / Completion date: ***07/2017***

NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ LÔ F2

Địa điểm / Address:
Lô F2, KCN Thuận Đạo Mở Rộng, xã Long Định, H. Cần Đước, T. Long An

Chủ đầu tư / The Owner:

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VÀM CỎ

Quy mô dự án / Project Size: ***15,000 m2***

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: ***$2,506,920***

Khởi công / Commencement date: *07/2016*

Hoàn thành / Completion date: *02/2017*

NHÀ XƯỞNG THOMAS CAREY/ THOMAS CAREY FACTORY

Địa điểm / Address:
KCN Uyên Hưng, H.Tân Uyên, T.Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY CỔ PHẦN THOMAS CAREY

Quy mô dự án / Project Size: 28,000 m2

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: $3,753,038

Khởi công / Commencement date: *06/2015*

Hoàn thành / Completion date: *02/2016*

KHO KIÊN LONG BANK CẦN ĐƯỚC

Địa điểm / Address:
Xã Long Định, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN- NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Quy mô dự án / Project Size: 34, 077 m2

Tổng giá trị gói thầu / Tender Price:
$5,055,441

Khởi công / Commencement date: *02/2016*

Hoàn thành / Completion date: *12/2016*

DE LICACY FACTORY

Địa điểm / Address:
Lô A,10,CN Khu công nghiệp Bàu Bàng, Xã Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:

VIETNAM DE LICACY INDUSTRIAL CO.,LTD
Quy mô dự án / Project Size: *23,388 m2*
Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: *$2,983,218*

Khởi công / Commencement date: *09/2016*
Hoàn thành / Completion date: *12/2016*

FACTORY – OFFICE AND ANCILLARY ITEMS

Địa điểm / Address:

Lô A 19- Đường số 6, Cụm Công Nghiệp Uyên Hưng, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:

ROYAL CORITHIAN VIETNAM COMPANY LIMITED

Quy mô dự án / Project Size:**19,260 m2**
Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:**$2,275,584**

Khởi công / Commencement date: ***04/2016***

Hoàn thành / Completion date: ***11/2016***

XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG COMPASS II

Địa điểm / Address:
35 Độc Lập, KCN Việt Nam Singapore, TX. Thuận An, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY TNHH COMPASS II

Quy mô dự án / Project Size: 12, 668 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value: $1,702,381

Khởi công / Commencement date: *01/2016*

Hoàn thành / Completion date: *06/2016*

NHÀ XƯỞNG SAO NAM

Địa điểm / Address:
Phường Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY TNHH MTV SAO NAM
Quy mô dự án / Project Size: 19,584 m2
Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value: $3,536,428

Khởi công / Commencement date: *01/2016*
Hoàn thành / Completion date: *06/2016*

XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ KCN SÓNG THẦN

Địa điểm / Address:

Khu Công Nghiệp Sóng Thần, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI NAM

Quy mô dự án / Project Size: 30, 015 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value: $2,370,998

Khởi công / Commencement date: *03/2016*

Hoàn thành / Completion date: *09/2016*

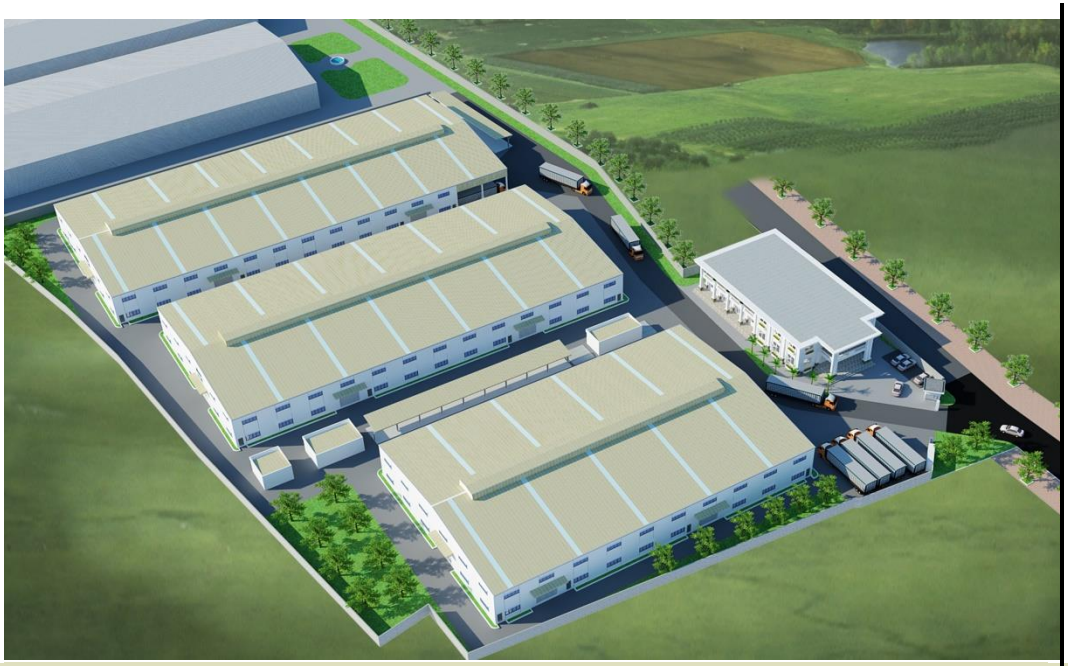

CÔNG TY TNHH ĐÔNG TÂY (GĐ II)

Địa điểm / Address:

Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:

CÔNG TY TNHH ĐÔNG TÂY

Quy mô dự án / Project Size: 12.637 m2

Tổng giá trị hợp đồng/ Contract Value: $1,581,102

Khởi công / Commencement date: *01/2016*

Hoàn thành / Completion date: *06/2016*

TRANSIMEX HI TECH PARK LOGISTICS

Địa điểm / Address: *Khu Công Nghệ Cao, Q. 9, TP. Hồ Chí Minh*

Chủ đầu tư / The Owner: **CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX HI TECH PARK LOGISTICS**

Quy mô dự án / Project Size: **40,000 m2**

Tổng giá trị hợp đồng/ Contract Value: **$7,365,190**

Khởi công / Commencement date: ***09/2015***

Hoàn thành / Completion date: ***02/2016***

RIKEN VIETNAM FACTORY PJ

Địa điểm / Address:
VSIP 2A, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
RIKEN VIETNAM CO., LTD

Quy mô dự án / Project Size: 9,643 m2

Tổng giá trị hợp đồng/ Contract Value:
$ 5,989,683

Khởi công / Commencement date: *04/2015*
Hoàn thành / Completion date: *01/2016*

BINH MINH PLASTIC BRANCH BEN LUC

Địa điểm / Address:
KCN Vĩnh Lộc, H. Bến Lức, T. Long An

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Quy mô dự án / Project Size: 13,334 m2

Tổng giá trị hợp đồng/ Contract Value: $3,753,038

Khởi công / Commencement date: *02/2015*

Hoàn thành / Completion date: *02/2016*

THORESEN VINAMA

Địa điểm / Address:
KCN Phú Mỹ 1, T. Bà Rịa Vũng Tàu

Chủ đầu tư / The Owner:

THORESEN VINAMA LOGISTICS CO., LTD

Quy mô dự án / Project Size:
10,663 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$3,277,388

Khởi công / Commencement date: *10/2014*
Hoàn thành / Completion date: *04/2015*

KHO INDO – TRANS KEPPEL LOGISTICS

Địa điểm / Address:
KCN Vsip 1, Thuận An, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
INDO – TRANS KEPPEL LOGISTIC VIỆT NAM

Quy mô dự án / Project Size: 23,420 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$1,912,471

Khởi công / Commencement date: *05/2014*
Hoàn thành / Completion date: 06*/2016*

KHO NGOẠI QUAN NAM TÂN UYÊN

Địa điểm / Address:
KCN Nam Tân Uyên, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI U&I

Quy mô dự án / Project Size: 180,948 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$17,394,000

Khởi công / Commencement date: *10/2005*
Hoàn thành / Completion date: *12/2015*

BINH AN BONDED WAREHOUSE

Địa điểm / Address:
P. An Bình, H. Dĩ An, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH BÌNH DƯƠNG

Quy mô dự án / Project Size:
47,430 m2

Tổng giá trị hợp đồng/ Contract Value:
$3,568,977

Khởi công / Commencement date: *02/2014*
Hoàn thành / Completion date: *10/2014*

CKL (VIETNAM) FACTORY

Địa điểm / Address:
KCN Sóng Thần, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
CKL VIETNAM CO., LTD

Quy mô dự án / Project Size: 13,470 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$2,545,714

Khởi công / Commencement date: *08/2013*
Hoàn thành / Completion date: *03/2014*

STARWOOD FUNITURE

Địa điểm / Address:
TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY TNHH STARWOOD VIỆT NAM

Quy mô dự án / Project Size: ***76,330 m2***

Tổng giá trị hợp đồng/ Contract Value:
$5,227,822

Khởi công / Commencement date: *08/2004*
Hoàn thành / Completion date: *01/2016*

YKK VIETNAM FACTORY

Địa điểm / Address:
KCN Nhơn Trạch 3, T. Đồng Nai

Chủ đầu tư / The Owner:
YKK VIETNAM FACTORY

Quy mô dự án / Project Size: 53,279 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$4,781,120

Khởi công / Commencement date: *03/2012*
Hoàn thành / Completion date: *11/2012*

TECHNO EXCEL VIETNAM

Địa điểm / Address:
KCN Vsip IIA, H. Tân Uyên, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
TECHNO EXCEL VIETNAM CO., LTD

Quy mô dự án / Project Size: 16,000 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$1,131,000

Khởi công / Commencement date: *03/2012*
Hoàn thành / Completion date: *12/2012*

MATSUMURA ELECTRICS INDUSTRY

Địa điểm / Address:
KCN Mỹ Phước 3, H. Bến Cát, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
MASUMURA ELECTRICS INDUSTRY VIET NAM

Quy mô dự án / Project Size: 7,116 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value: $2,372,094

Khởi công / Commencement date: *03/2012*

XP POWER VIETNAM

Địa điểm / Address:
KCN Mỹ Phước 3, H. Bến cát, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
XP POWER (VIETNAM) CO., LTD
Quy mô dự án / Project Size: 13,000 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$1,848,493

Khởi công / Commencement date: *04/2011*
Hoàn thành / Completion date: *09/2011*

ARECO BONDED WAREHOUSE

Địa điểm / Address:
Bình Thắng, H. Dĩ An, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:

ARECO REAL CORPORATION

Quy mô dự án / Project Size:
91,899 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$7,578,000

Khởi công / Commencement date: *02/2008*
Hoàn thành / Completion date: *12/2012*

PUMA VIETNAM

Địa điểm / Address:
KCN Long Hậu, H.Cần Giuộc, T. Long An

Chủ đầu tư / The Owner:
WORLDCAT VIET NAM CO., LTD

Quy mô dự án / Project Size: 30,000 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$10,301,250

Khởi công / Commencement date: *08/2008*
Hoàn thành / Completion date: *09/2009*

SUMITEC VIETNAM

Địa điểm / Address:
KCN Vsip II, H. Bến Cát, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
SUMITEC VIETNAM

Quy mô dự án / Project Size: 3,347 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$2,372,094

Khởi công / Commencement date: *06/2010*
Hoàn thành / Completion date: *12/2010*

PLUS VIETNAM FACTORY

Địa điểm / Address:
KCN Nhơn Trạch 3, T. Đồng Nai

Chủ đầu tư / The Owner:
PLUS VIETNAM INDUSTRIAL CO., LTD

Quy mô dự án / Project Size: 30,000 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$1,065,952

Khởi công / Commencement date: *08/2009*
Hoàn thành / Completion date: *01/2010*

DAEWOO BUS VIETNAM

Địa điểm / Address:
Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chủ đầu tư / The Owner:
DAEWOO BUS VIETNAM CO., LTD
Quy mô dự án / Project Size: 82,490 m2

Tổng giá trị hợp đồng / Contract Value:
$2,318,000

Khởi công / Commencement date: *11/2008*
Hoàn thành / Completion date: *04/2007*

EINS VINA

Địa điểm / Address:

7A KCN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
EINS VINA CO., LTD

Quy mô dự án / Project Size: 42,000 m2

Tổng giá trị hợp đồng/ Contract Value:
$3,847,053

Khởi công / Commencement date: *12/2005*
Hoàn thành / Completion date: *07/2006*

TRƯỜNG MẪU GIÁO – TIỂU HỌC PHÙ ĐỔNG

Địa điểm / Address:

TT Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY TNHH NGỌC THANH
Quy mô dự án / Project Size: 42,000 m2

Tổng giá trị hợp đồng/ Contract Value:
$3,847,053

Khởi công / Commencement date: *12/2005*
Hoàn thành / Completion date: *07/2006*

CẢNG THẠNH PHƯỚC

Địa điểm / Address:

Thạnh Phước, H. Tân Uyên, T. Bình Dương

Chủ đầu tư / The Owner:
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THẠNH PHƯỚC
Quy mô dự án / Project Size: 63 ha
Tổng giá trị gói thầu / Tender Price: $1,391,000

Khởi công / Commencement date: *09/2010*
Hoàn thành / Completion date: *11/2011*

XƯỞNG SẢN XUẤT CỦA NHÀ THẦU - STEEL FRAME MANUFACTURE PROCESSS

1. LOADING MATERIAL (STEEL PLATE, WIRE, PAINTING…)
2. CUTTING THE RAW MATERIAL
3. CONNECTING THE RAW MATERIAL
4. WELDING: MAIN STRUCTURE AND ACCESSORIES
5. CHECKING AND INSPECTION: THE SHAPE, DIMENSION, WELDING…
6. CLEANING BY HI-TECH MACHINE
7. PAINTING: PRIMER AND TOPCOAT
8. CHECKING AND DELIVERY TO SITE

U&I CONSTRUCTION CORPORATION
No. 9 Ngo Gia Tu Street, Chanh Nghia Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Viet Nam
Email: contact@uniconstruction.com.vn
Phone: +84.650.3816284, +84.650.3816471,+84.650.3816472
Fax: +84.650.3816285
www.uniconstruction.vn